

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	7 - 19

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam .

Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên	
Ông Thomas Lanyi	Thành viên	
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	
Ông Robert Willet	Thành viên	
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Hoàng Hữu Hưng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Loan	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Văn Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 4 năm 2019 là Ông Nguyễn Đức Tài và từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh .

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào Ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 21 tháng 2 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 22 tháng 01 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

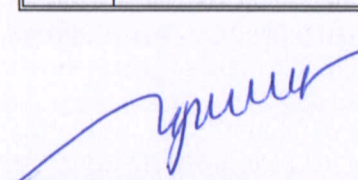
VND

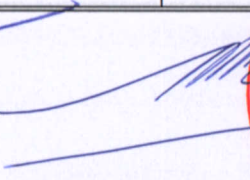
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.194.443.941.362	224.880.562.137
110	I. Tiền	4	87.872.626.449	127.636.796.208
111	1. Tiền		87.872.626.449	127.636.796.208
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.098.515.797.074	89.193.429.541
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	180.700.090.000	66.600.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	917.815.707.074	22.593.429.541
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		8.055.517.839	8.050.336.388
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.684.571.915	7.637.928.079
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		28.001	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		370.917.923	412.408.309
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.244.540.821.707	7.179.760.821.707
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.126.500.000.000	1.061.720.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	5	1.126.500.000.000	1.061.720.000.000
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	7	7.118.040.821.707	6.118.040.821.707
251	1. Đầu tư vào các công ty con		7.056.002.071.707	6.056.002.071.707
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		62.038.750.000	62.038.750.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		9.438.984.763.069	7.404.641.383.844

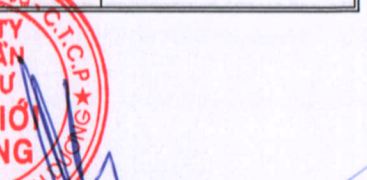
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.693.308.987.339	1.133.344.181.084
310	I. Nợ ngắn hạn		571.172.320.682	15.747.514.423
315	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	8	18.759.525.231	10.270.330.768
319	2. Phải trả ngắn hạn khác	9	88.412.795.451	527.183.655
320	3. Vay ngắn hạn	10	464.000.000.000	-
322	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	4.950.000.000
330	II. Nợ dài hạn		1.122.136.666.657	1.117.596.666.661
338	1. Vay dài hạn	10	1.122.136.666.657	1.117.596.666.661
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.745.675.775.730	6.271.297.202.760
410	I. Vốn chủ sở hữu	11.1	7.745.675.775.730	6.271.297.202.760
411	1. Vốn cổ phần		4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.435.461.780.000	4.434.961.780.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		519.117.889.700	515.362.889.700
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.658.924.500)	(808.864.500)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.796.755.030.530	1.321.781.397.560
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước		647.602.102.060	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		2.149.152.928.470	1.321.781.397.560
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		9.438.984.763.069	7.404.641.383.844


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 01 năm 2020

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán năm kết thúc ngày		Kỳ kế toán năm kết thúc ngày	
			31/12/2019		31/12/2018	
			Số quý này năm nay VNĐ	Số Năm nay VNĐ	Số quý này năm trước VNĐ	Số Năm trước VNĐ
1 Doanh thu hoạt động tài chính	21	11	533.687.581.388	2.270.961.609.321	1.374.116.821.342	2.914.961.155.622
2 Chi phí tài chính	22	12	(32.371.662.210)	(116.857.311.471)	(24.522.219.174)	(97.326.249.994)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(32.229.787.210)	(115.275.167.916)	(24.522.219.174)	(97.326.249.994)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(886.914.160)	(4.838.999.576)	(1.325.190.224)	(4.948.437.613)
4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		500.429.005.018	2.149.265.298.274	1.348.269.411.944	2.812.686.468.015
5 Thu nhập khác	31		-	150.000	3.536.284	3.536.284
6 Chi phí khác	32		-	(21.195.116)	(12.100.000)	(12.100.000)
7 Lỗ khác	40		-	(21.045.116)	(8.563.716)	(8.563.716)
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		500.429.005.018	2.149.244.253.158	1.348.260.848.228	2.812.677.904.299
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	131	(91.324.688)	(91.324.688)	395.710.108	(2.648.371.876)
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		500.337.680.330	2.149.152.928.470	1.348.656.558.336	2.810.029.532.423



[Handwritten signature]

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Ngày 22 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.149.244.253.158	2.812.677.904.299
	<i>Điều chỉnh cho khoản:</i>			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(2.270.961.609.321)	(2.914.961.155.622)
06	Chi phí lãi vay	13	115.275.167.916	97.326.249.994
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.442.188.247)	(4.957.001.329)
09	Giảm các khoản phải thu		8.747.954.974	10.365.214.952
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.931.284.420	(2.143.486.371)
12	Tăng chi phí trả trước		(18.490.393.836)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(83.517.476.081)	(92.786.250.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(51.377.164)	(3.101.840.128)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.000.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(112.822.195.934)	(92.623.362.876)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(762.032.000.000)	(1.965.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		583.151.910.000	1.881.364.807.920
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.915.018.185.000)	(3.096.437.300.707)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và tiền cho vay và cổ tức		2.282.011.076.675	2.899.155.440.898
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		188.112.801.675	(281.417.051.889)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		89.974.580.000	703.840.247.200
32	Mua lại cổ phiếu	11.1	(4.850.060.000)	(729.700.000)
33	Tiền thu từ đi vay		464.000.000.000	-
36	Chi trả cổ tức	11.1	(664.179.295.500)	(484.310.571.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(115.054.775.500)	218.799.975.450
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.764.169.759)	(155.240.439.315)
60	Tiền đầu năm		127.636.796.208	282.877.235.523
70	Tiền cuối năm	4	87.872.626.449	127.636.796.208

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 01 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vào Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 21 tháng 2 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	<u>87.872.626.449</u>	<u>127.636.796.208</u>

5. PHẢI THU CHO VAY

Phải thu cho vay thể hiện khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 5,5%/năm đến 8,5%/năm (Thuyết minh số 15).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 15)	917.633.192.020	15.766.964.724
Ký quỹ, ký cược	-	4.003.604.375
Phải thu ngắn hạn khác	<u>182.515.054</u>	<u>2.822.860.442</u>
TỔNG CỘNG	<u>917.815.707.074</u>	<u>22.593.429.541</u>

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 7.1)	7.056.002.071.707	6.056.002.071.707
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 7.2)	<u>62.038.750.000</u>	<u>62.038.750.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.118.040.821.707</u>	<u>6.118.040.821.707</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm			
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,95	2.027.352.771.000	-	99,95	2.027.352.771.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thương mại thực phẩm	Đang hoạt động	99,95	3.629.712.000.000	-	99,95	2.629.712.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	99,33	860.937.300.707	-	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công nghệ thông tin	Trước hoạt động	100	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
TỔNG CỘNG				7.056.002.071.707	-		6.056.002.071.707	-

7.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Số cuối năm		Số đầu năm			
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Bán lẻ được phẩm	Đang hoạt động	49,00	62.038.750.000	-	49,00	62.038.750.000	-

Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang ("An Khang") là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNEKDN số 0314587300 do Sở KH & ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017 và các GCNEKDN điều chỉnh. An Khang có trụ sở đăng ký tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của An Khang trong kỳ là bán lẻ được phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	17.735.777.449	8.961.835.610
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	<u>1.023.747.782</u>	<u>1.308.495.158</u>
TỔNG CỘNG	<u>18.759.525.231</u>	<u>10.270.330.768</u>

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua cổ phiếu (*) (Thuyết minh số 16)	85.719.580.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	<u>2.693.215.451</u>	<u>527.183.655</u>
TỔNG CỘNG	<u>88.412.795.451</u>	<u>527.183.655</u>

(*) Thể hiện khoản tiền nhận ứng trước từ các cổ đông mua cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của công ty áp dụng cho các cán bộ chủ chốt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQĐHĐCĐ/TGDD ngày 22 tháng 3 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ/HĐQT-2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ/HĐQT-2019 ngày 27 tháng 11 năm 2019.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm	VND
Ngắn hạn	-	464.000.000.000	-	464.000.000.000	464.000.000.000
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (thuyết minh 10.1)	-	464.000.000.000	-	464.000.000.000	464.000.000.000
Dài hạn	1.117.596.666.661	4.539.999.996	-	1.122.136.666.657	1.122.136.666.657
Trái phiếu thông thường (thuyết minh 10.2)	1.117.596.666.661	4.539.999.996	-	1.122.136.666.657	1.122.136.666.657
TỔNG CỘNG	1.117.596.666.661	468.539.999.996	-	1.586.136.666.657	1.586.136.666.657

10.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Đây là khoản vay tín chấp từ ngân hàng BNP Paribas Chi nhánh Singapore nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động với kỳ hạn gốc là một năm kể từ ngày giải ngân và sẽ tự động tái tục các năm tiếp theo đến hết thời hạn hợp đồng là 3 năm.

Lãi suất Libor 3 tháng + 2.5%/năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY (tiếp theo)

10.2 Trái phiếu thường trong nước

Trái chủ	Số cuối năm VND	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	470.000.000.000	6,55	17 Tháng 11 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	450.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	100.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam	45.000.000.000				
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	40.000.000.000				
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	30.000.000.000				
Chi phí phát hành trái phiếu	(12.863.333.343)				
TỔNG CỘNG	1.122.136.666.657				

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Phí bảo lãnh là 1,5%/năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	3.169.884.370.000	628.592.500	(79.164.500)	72.033.896.887	3.242.467.694.887
Cổ phiếu phát hành	61.810.840.000	514.734.297.200	-	-	576.545.137.200
Phát hành cổ phiếu ESOP	127.295.110.000	-	-	-	127.295.110.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.075.971.460.000	-	-	(1.075.971.460.000)	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	(729.700.000)	-	(729.700.000)
Cổ tức công bố	-	-	-	(484.310.571.750)	(484.310.571.750)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.810.029.532.423	2.810.029.532.423
Số cuối năm	4.434.961.780.000	515.362.889.700	(808.864.500)	1.321.781.397.560	6.271.297.202.760
Năm nay					
Số đầu năm	4.434.961.780.000	515.362.889.700	(808.864.500)	1.321.781.397.560	6.271.297.202.760
Cổ phiếu phát hành (*)	500.000.000	3.755.000.000	-	-	4.255.000.000
Trích lập quỹ	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Cổ phiếu quỹ	-	-	(4.850.060.000)	-	(4.850.060.000)
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	(664.179.295.500)	(664.179.295.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.149.152.928.470	2.149.152.928.470
Số cuối năm	4.435.461.780.000	519.117.889.700	(5.658.924.500)	2.796.755.030.530	7.745.675.775.730

(*) Theo theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2019/NQ/HĐCĐ/TGĐĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2019/NQ/HĐQT-2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/NQ/HĐQT-2019 ngày 23 tháng 8 năm 2019. Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị đã thông qua việc phát hành 50.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty. Vào ngày 24 tháng 10 năm 2019, Công ty đã nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố chi trả cổ tức với giá trị là 664.179.25.500 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 3 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<i>Số cổ phiếu</i>
Số đầu năm	443.496.178
Tăng trong năm	<u>50.000</u>
Số cuối năm	<u>443.546.178</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ cổ tức (<i>Thuyết minh số 15</i>)	2.148.808.824.834	2.799.448.144.923
Lãi tiền cho vay	122.118.816.439	115.257.227.651
Khác	<u>33.968.048</u>	<u>255.783.048</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.270.961.609.321</u>	<u>2.914.961.155.622</u>

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	115.275.167.916	97.326.249.994
Khác	<u>1.582.143.555</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>116.857.311.471</u>	<u>97.326.249.994</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>2.149.244.253.158</u>	<u>2.812.677.904.299</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	429.848.850.632	562.535.580.861
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	4.239.023	2.420.000
Thu nhập từ cổ tức	<u>(429.761.764.967)</u>	<u>(559.889.628.985)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>91.324.688</u>	<u>2.648.371.876</u>

14.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

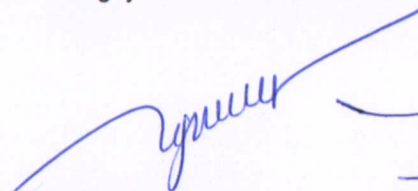
Phát hành mới cổ phiếu phổ thông theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu


Vào ngày 24 tháng 12 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 7667/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc phát hành mới cổ phiếu phổ thông cho cán bộ công nhân viên Công ty theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu của Công ty áp dụng cho các cán bộ chủ chốt. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 10.624.558 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty bằng nguồn cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu mới theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01_2019/NQĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/NQ/HĐQT-2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ/HĐQT-2019 ngày 27 tháng 11 năm 2019.


Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 6 tháng 1 năm 2020, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho cán bộ chủ chốt của Công ty là 10.520.045 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc sử dụng 856.236 cổ phiếu quỹ và phát hành 9.663.809 cổ phiếu. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đệ trình báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu này của Công ty lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.


Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.435.461.780.000 VND lên 4.532.099.870.000 VND. Vào ngày lập báo cáo này, Công ty đang trong quá trình đệ trình hồ sơ lên Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương yêu cầu điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp về việc tăng vốn điều lệ nói trên.


Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


Lý Trần Kim Ngân
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính


Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc


CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
THẾ GIỚI
DI ĐỘNG
T. P. TH. ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG


C. P. ★ G. M. ★

Ngày 22 tháng 01 năm 2020